

LỚP	STT	Mã hồ sơ	HỌ TÊN	MSHS DỰ	GT	TỔNG ĐIỂM	NV1	NV2	T+ L+H
C12	01	K23-015	NGUYỄN PHÚC NHƯ ANH	C12-01	NỮ	19.25	4	5	24.6
C12	02	K23-010	CAO NGUYỄN QUÝ AN	C12-02	NAM	23	4	1	24.7
C12	03	K23-055	PHẠM THIÊN BẢO	C12-03	NAM	21	4	5	22.8
C12	04	K23-064	NGUYỄN THANH NGỌC BẢO	C12-04	NAM	20.5	4	1	25.8
C12	05	K23-065	PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	C12-05	NAM	21.25	4	5	24.8
C12	06	K23-079	LÊ KIÊN CƯỜNG	C12-06	NAM	25.5	4	5	26.2
C12	07	K23-124	LA HOÀNG KỶ DUYỄN	C12-07	NỮ	20	4	5	20.7
C12	08	K23-102	NGUYỄN CHỈ ĐỨC	C12-08	NAM	25	4	5	25
C12	09	K23-130	VÕ THÁI CHÂU GIANG	C12-09	NỮ	20.25	4	5	6.75
C12	10	K23-159	LÊ TÂN HIẾU	C12-10	NAM	21	4	5	7.25
C12	11	K23-166	NGUYỄN THÁI HÒA	C12-11	NAM	20	4	5	25.1
C12	12	K23-191	PHẠM LẠI GIA HUY	C12-12	NAM	19.5	4	5	22.7
C12	13	K23-192	PHẠM VIỆT HUY	C12-13	NAM	20	4	5	26.3
C12	14	K23-196	NGUYỄN GIA HUY	C12-14	NAM	23.75	4	5	23.9
C12	15	K23-198	NGUYỄN THÁI GIA HUY	C12-15	NAM	20.75	4	5	7.5
C12	16	K23-204	TRẦN GIA HUY	C12-16	NAM	20.5	4	5	26.5
C12	17	K23-180	CHU NGUYỄN PHÚC HÙNG	C12-17	NAM	22.5	4	1	6.5
C12	18	K23-218	HỒ GIA KHANG	C12-18	NAM	20.25	4	6	25.1
C12	19	K23-212	TRẦN TIÊN KHAI	C12-19	NAM	21.25	4	5	7.5
C12	20	K23-230	HOÀNG NGỌC VÂN KHÁNH	C12-20	NỮ	19.5	4	5	24.8
C12	21	K23-233	NGUYỄN NGỌC BẢO KHÁNH	C12-21	NỮ	19.5	4	5	23.2
C12	22	K23-237	ĐẶNG VĂN ANH KHOA	C12-22	NAM	24.5	4	1	8.5
C12	23	K23-250	NGUYỄN VĂN THIÊN KHOA	C12-23	NAM	22.5	4	5	28.1
C12	24	K23-293	TRẦN THIÊN LONG	C12-24	NAM	20.25	4	5	25.6
C12	25	K23-288	NGUYỄN HỮU LỘC	C12-25	NAM	20.75	4	1	25.6
C12	26	K23-312	LÊ QUANG MINH	C12-26	NAM	21	4	5	27.1
C12	27	K23-353	NAY TRẦN KHÁNH NGỌC	C12-27	NỮ	19.5	4	3	25.1
C12	28	K23-377	NGUYỄN YÊN NHÌ	C12-28	NỮ	20.75	4	5	25.9
C12	29	K23-381	TRẦN THỊ TRÚC NHÌ	C12-29	NỮ	21.75	4	3	26
C12	30	K23-411	LÂM VĨNH PHÁT	C12-30	NAM	21.75	4	5	27
C12	31	K23-412	PHẠM MINH PHÁT	C12-31	NAM	20.5	4	6	22.9
C12	32	K23-416	TRẦN NGUYỄN DUY PHÚ	C12-32	NAM	20.25	4	6	25.1
C12	33	K23-432	PHẠM NGUYỄN THIÊN PHÚC	C12-33	NAM	19.75	4	5	26
C12	34	K23-437	VÕ MINH PHÚC	C12-34	NAM	20.75	4	1	26.2
C12	35	K23-439	NGUYỄN ĐỖ TRỌNG PHỤNG	C12-35	NAM	24	4	6	27.7
C12	36	K23-458	NGUYỄN LÊ HOÀNG QUÂN	C12-36	NAM	21.5	4	6	22.7
C12	37	K23-478	HOÀNG NGUYỄN VIỆT TÀI	C12-37	NAM	20.25	4	5	25.8
C12	38	K23-484	HUYNH MINH TÂM	C12-38	NAM	20	4	5	22.9
C12	39	K23-522	NGUYỄN HỮU THỊNH	C12-39	NAM	22.25	4	5	27.5
C12	40	K23-527	HOÀNG MINH THÔNG	C12-40	NAM	20.75	4	5	8.25
C12	41	K23-530	VŨ NGUYỄN DIỄM THU	C12-41	NỮ	22	4	2	8
C12	42	K23-536	NGUYỄN ANH THU	C12-42	NỮ	19.5	4	6	25.8
C12	43	K23-604	HUYNH TRẦN ÁI TRINH	C12-43	NỮ	23.25	5	6	27.1
C12	44	K23-619	VÕ THÀNH TRUNG	C12-44	NAM	20.5	4	6	7.25
C12	45	K23-613	NGUYỄN HOÀNG THANH TRÚC	C12-45	NỮ	21.75	4	5	27.3
C12	46	K23-662	NGUYỄN NGỌC THUY VY	C12-46	NỮ	21	4	5	24.9
C12	47	K23-674	LÝ THẢO VY	C12-47	NỮ	19.25	4	5	8.25